

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 22/6/2026

*“V/v tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con
sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Vinh.

- Ông Đinh Văn Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tào Văn Hai Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 172/2025/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc *“tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số **197/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026** của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Hữu L, Sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Trần Hữu L: Ông Trần Bửu Đức T, sinh năm 1969. Luật sư Văn phòng luật sư Quỳnh Đức K thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, đường P, phường P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: bà Phạm Thị T1, S năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày **22/07/2025**, nguyên đơn trình bày:**

Ông Trần Hữu L và bà Phạm Thị T1 trước đây là vợ chồng hợp pháp, có với nhau 01 (một) con chung tên Trần Hạo T2, sinh ngày 21/09/2021. Ông Trần Hữu L và bà Phạm Thị T1 đã chấm dứt quan hệ hôn nhân bằng Quyết định số: 262/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng về việc: Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hoà giải tại Toà án. Theo Quyết định trên thì ông Trần Hữu L nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, thời điểm đó bà T1 cho rằng không có thu nhập nên yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con chung, ông Trần Hữu L cũng đồng ý; Tài sản chung là căn nhà, ông L và bà T1 thoả thuận mỗi người nhận: 200.000.000 đồng, bà T1 nhận căn nhà chung nên có nghĩa vụ trả cho ông L 200.000.000 đồng chia làm 04 đợt như Quyết định.

Đến ngày 28/05/2024, bà T1 khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Cả hai cấp toà sơ thẩm và phúc thẩm đều bác đơn yêu cầu của bà T1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Toà án thì bà T1 cho rằng hiện tại bà đã có điều kiện kinh tế, có cơ sở kinh doanh ăn uống, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con.

Do việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên là quyền và nghĩa vụ chung của cha mẹ, ngay cả họ đã ly hôn; Tại thời điểm ly hôn do bà T1 không có thu nhập nên ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Hạo T2. Nay con đã lớn dần, chi phí sinh hoạt, học tập ngày càng tăng lên, nhằm tạo điều kiện cho con chung có đủ đầy về vật chất và tinh thần, cần thiết phải có sự góp sức của mẹ cháu là bà Phạm Thị T1 nên ông Trần Hữu L yêu cầu Toà án nhân dân Khu Vực 8 - Cần Thơ xem xét, giải quyết buộc bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Hạo T2, số tiền là: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con chung Trần Hạo T3 đủ 18 tuổi.

* Đối với bị đơn bà Phạm Thị T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Phạm Thị T1 không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu L. Buộc bị đơn Phạm Thị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Trần Hạo T2, giới tính nam, sinh ngày 21/09/2021. Mức cấp dưỡng 1.850.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2026) cho đến khi cháu Trần Hạo T2 đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn Trần Hữu L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, ông Trần Hữu L yêu cầu tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Phạm Thị T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2] **Về quan yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:** Trần Hữu L và bà Phạm Thị T1 đã được tòa án giải quyết ly hôn tại Quyết định số: 262/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/09/2023 của Tòa dân nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng về việc: Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hoà giải tại Tòa án. Theo Quyết định trên thì ông Trần Hữu L nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng con

chung là cháu Trần Hạo T2 sinh ngày 21/09/2021 bà Phạm Thị T1 chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Đối chiếu những quy định trên, cháu Trần Hạo T2 là con chưa thành niên và bà Phạm Thị T1 là người không trực tiếp nuôi con nên ông Trần Hữu L yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Hạo T2 là có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn bà Phạm Thị T1 cho rằng do ông L giành quyền nuôi con nên không đồng ý cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác”. Do vậy, việc bà Phạm Thị T1 cho rằng ông Trần Hữu L giành quyền nuôi con nên không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là không phù hợp với quy định của pháp luật nên ý kiến này không được chấp nhận.

[3] Về mức cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, nguyên đơn không chứng minh được chi phí nuôi dưỡng con và các bên không tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định mức cấp dưỡng nuôi con chung bằng một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Bị đơn đang cư trú tại xã N, thành phố Cần Thơ, căn cứ Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ xác định nơi bị đơn cư trú thuộc vùng IV có mức lương tối thiểu vùng theo tháng là 3.700.000 đồng. Do đó cần buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Hạo T2 mức cấp dưỡng là 1.850.000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Trần Hạo T2 đủ 18 tuổi. Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về phương thức cấp dưỡng: Do các đương sự không có thỏa thuận về phương thức cấp dưỡng và đồng thời Phạm Thị T1 có thu nhập ổn định nên sẽ thực hiện cấp dưỡng hàng tháng.

[5] Về án cấp dưỡng: Bị đơn Phạm Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ vào Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu L.

1. Buộc bị đơn Phạm Thị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu Trần Hạo T2, giới tính nam, sinh ngày 21/09/2021. Mức cấp dưỡng 1.850.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (22/6/2026) cho đến khi cháu Trần Hạo T2 đủ 18 tuổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

4/ Án phí cấp dưỡng, bị đơn Phạm Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận

- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND tp Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND xã Lai Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn